|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH ĐỒNG NAI**Số: 08/2020/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2020* |

 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá chi phí vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số [177/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-177-2013-nd-cp-huong-dan-luat-gia-213650.aspx) ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [177/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-177-2013-nd-cp-huong-dan-luat-gia-213650.aspx) ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số [13/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/quyet-dinh-13-2015-qd-ttg-khuyen-khich-phat-trien-van-tai-hanh-khach-cong-cong-bang-xe-buyt-273046.aspx) ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số [65/2014/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-65-2014-tt-bgtvt-dinh-muc-khung-kinh-te-ky-thuat-van-tai-hanh-khach-cong-cong-bang-xe-buyt-257455.aspx) ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành định mức khung kinh tế kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 462/TTr-SGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá chi phí vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quy định tại Quyết định này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân xác định chi phí và thanh, quyết toán tiền trợ giá đối với các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật và các đơn giá kèm theo:

a) Phụ lục I - Định mức kinh tế kỹ thuật.

b) Phụ lục II - Đơn giá chi phí cố định và chi phí biến đổi.

c) Phụ lục III - Đơn giá một ca xe cho các tuyến không có trạm thu phí cầu đường.

d) Phụ lục IV - Đơn giá một ca xe cho các tuyến có 01 trạm thu phí cầu đường.

23 CÔNG BÁO/Số 16/Ngày 27-03-2020

đ) Phụ lục V - Đơn giá một ca xe cho các tuyến có 02 trạm thu phí cầu đường.

e) Phụ lục VI - Đơn giá chi phí cố định và chi phí biến đổi cho phương tiện có thời gian sử dụng từ 05 đến 10 năm hoạt động từ năm 2015 trở về trước.

g) Phụ lục VII - Đơn giá một ca xe các tuyến cho phương tiện có thời gian sử dụng từ 05 đến 10 năm hoạt động từ năm 2015 trở về trước.

Các đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về chính sách Nhà nước đối với các chi phí theo quy định và biến động về giá nhiên liệu chính (dầu DO - 0,05S), nhiên liệu phụ (vật liệu bôi trơn, nhớt), vật tư (săm, lốp, bình điện) được xử lý như sau:

1. Về thay đổi chính sách của Nhà nước: Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào mức thay đổi để tính toán, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Về giá nhiên liệu chính, nhiên liệu phụ, vật tư:

a) Nếu tăng hoặc giảm dẫn đến tổng chi phí nhiên liệu chính, nhiên liệu phụ, vật tư tăng, giảm dưới 5% so với tổng chi phí nhiên liệu chính, nhiên liệu phụ, vật tư tại Quyết định này thì không tính trượt giá.

b) Nếu tăng hoặc giảm dẫn đến tổng chi phí nhiên liệu chính, nhiên liệu phụ, vật tư tăng, giảm từ 5% đến dưới 10% so với tổng chi phí nhiên liệu chính, nhiên liệu phụ, vật tư tại Quyết định này: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư tính toán, quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Nếu tăng hoặc giảm dẫn đến tổng chi phí nhiên liệu chính, nhiên liệu phụ, vật tư tăng, giảm từ 10% trở lên so với tổng chi phí nhiên liệu chính, nhiên liệu phụ, vật tư tại Quyết định này: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư tính toán, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Điều 3.** Giao Sở Giao thông Vận tải tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 4**. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/4/2020 và thay thế Quyết định số [56/2016/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-51-2013-qd-ubnd-dinh-muc-kinh-te-ky-thuat-xe-van-tai-khach-cong-cong-tro-gia-dong-nai-205351.aspx%22%20%5Co%20%22Quy%E1%BA%BFt%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%2051/2013/Q%C4%90-UBND%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 13/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá chi phí vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 5.**Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNKT. CHỦ TỊCHPHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Quốc Hùng** |